

- **Chênh** : kênh kiều
- **Tám** : nhiều chuyện
- **Vô tư** (tư ngoài Bức) : nhieu (?), thoai mái (?). Vd : Ăn uống vô tư nhé!
- **Hu** (phát âm : "qu" mĩ đúng) : cĩ lĩng, "sĩn".
- **Vi tính** (computer) : làm nhĩ hay lĩm, ra vĩ ta đây. Vd : Thĩng y vi tính lĩm cĩ , lúc nào cũng đĩm tiĩng Anh khi nói chuyện.
- **Tinh vi** : ra vĩ ta đây.
- **Trĩng Phĩ** : nói thĩng ra đi
- **Không hĩ** : không sĩ, không bì.
- **Bĩp**: Bĩ mĩ mĩ bĩp (lĩy) cĩ a ông bà già mĩt con deam (còn gĩi là dem)
- **Chĩu** : không chĩu
- **Cĩc kĩ** : rĩt đĩp
- **Rĩc** : Mua Vĩ
- **Oách** : trĩng
- **Hĩ bĩ** : đĩn tĩ mĩ cĩ hĩn trung bình và đĩĩ mức quá cĩ 1 chút. Vd : Cái này hĩ bĩ khó hĩu à nhen
- **Xĩng**: khi muĩn khĩng đĩnh mĩt sĩ viĩc gì mà ngĩĩi nói tin là chĩc chĩn 100%. Vd: - Mĩ có chĩc là nhĩ vĩy không? Xĩng.
- **Phĩ** là phê
- **Bà Cĩ** : có nghĩa là nhĩu, quá, thí đĩ nhĩ : con nhĩ đó đĩp bà cĩ luôn, thĩng đó nói chuyện xĩ o bà cĩ
- **Cĩ Chuĩ** : (tiĩng bĩc) có nghĩa là "đĩu" ví đĩ : thĩng đó cĩ chuĩ chĩt mĩ (tĩc là thĩng đó đĩu chĩt mĩ)
- **NATO = never action talk only**. Ví đĩ : thĩng đó nĩm trong khĩi NATO (chĩ biĩt nói chĩ không biĩt làm)
- **Chuĩn chuĩn** là chĩ đàn ông, còn **bĩm bĩm** là chĩ đàn bà. Giĩ a giĩ a là **hi-fi /hai-fai/**.
- **Lác**: ba xĩ o
- **Đĩ o** : có nghĩa là mĩi chĩi ai đĩĩc món đĩ gì đó. Vd : Con nhĩ đó mĩi đĩ o đĩĩc thĩng bĩ nó chĩĩc xe honda
- **Nhĩ o** : ĩng ĩ o, đĩu đĩng, làm dáng, không đĩĩc tĩ nhiên. Vd: Nhĩ đó nói chuyện nhĩ o quá trĩi
- **Bĩ o**: rĩ mĩt, rĩ thí đĩ nhĩ thĩng đó mĩi mua đĩĩc cái xe giá thĩĩt là bĩ o.
- **Không có cĩ a**: (thĩĩng chĩ áp đĩng trong tình cĩm only) có nghĩa cĩ a tĩ này là không thĩ nào, thí đĩ nhĩ thĩng đó muĩn của tao hĩ, không có cĩ a đâu mĩy.
- **Rĩ i**: no way out, tình cĩm cĩ a tĩi nó đĩ o này hĩ bĩ rĩi??
- **MBA** : Married but available! Ví đĩ : cha nĩi đó hĩ, khoĩi làm MBA !
- **Cháy IC**: nghĩa là, chĩu không nĩi. Ví đĩ : thôi hĩng giám đĩu! đi xa nhĩ dzĩy "cháy IC sao"?